

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/DSST
Ngày: 14-10-2019.
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương.

Hội thẩm nhân dân: - Ông Thái Văn Lộc

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ Thư- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 66/2019/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: tổ 20, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: tổ 7, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2019 và các lời khai tại Tòa án của chị Hà Thị T (nguyên đơn) trình bày: Ngày 08/5/2017 AL (nhằm ngày 02/6/2017 DL) chị N và chị Ng có vay tôi số tiền 40.000.000 đồng, hẹn sau 01 tháng sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng (800.000 đồng/tháng/40.000.000 đồng), hai bên có làm giấy nợ viết tay do chị N viết và chị N, chị Ng cùng ký tên.

Chị Ng trả lãi hàng tháng cho tôi đến tháng 10/2018 thì ngưng số tiền lãi là 11.400.000 đồng, chưa trả được số tiền gốc nào. Do chị Ng và chị N không đóng lãi nên tôi nhiều lần đòi nợ nhưng chị N và chị Ng không trả nợ cho tôi, sau khi xảy ra mâu thuẫn giữa tôi và chị N về chuyện tiền hụi thì chị N và chị Ng nói không trả tiền cho tôi nữa, tôi có đòi nhiều lần nhưng chị N và chị Ng cố tình trốn tránh không chịu trả nợ cho tôi.

Tại tòa tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh buộc chị Trần Thị Mỹ N và chị Trần Thị Ng có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tôi không yêu cầu chồng chị N là anh Lê Văn S, chồng chị Ng là anh Lý C liên đới cùng chị N, chị Ng trả nợ cho tôi.

*** Chị Trần Thị Mỹ N - bị đơn trình bày:**

Tôi thống nhất với lời khai của chị T về ngày vay, số tiền vay, thời gian trả nợ và giấy nợ. Ngày 08/5/2017 AL tôi có dẫn chị Ng gặp chị T vay số tiền 40.000.000 đồng, hẹn sau 01 tháng sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hai bên có làm giấy nợ viết tay do tôi viết và tôi, chị Ng cùng ký tên. Tiền này là chị Ng mượn của chị T, do chị Ng không biết chữ nên kêu tôi ghi giùm, tôi tự nguyện viết giấy không bị ai ép buộc. Do chị T nói số tiền mượn lớn nên phải ghi tên tôi mới cho mượn nên tôi ghi tên tôi và tên chị Ng vào giấy nợ. Số tiền này 10 ngày sau tôi và chị Ng cùng mang tiền đến trả cho chị T số tiền gốc là 40.000.000 đồng, lãi 2.000.000 đồng. Sau khi trả xong tôi có hỏi giấy nợ bản chính nhưng chị T nói giấy nợ bị lạc mất, tôi nghĩ chỗ chị em thân thiết hơn nữa giấy nợ trước cũng bị mất không có tranh chấp gì nên tôi không hỏi nữa, hơn tháng sau chị Ng gặp chị T ở chợ chị Ng hỏi chị T nói đã xé giấy rồi. Từ đó đến nay tôi không thấy chị T nhắc gì đến tiền nợ nên tôi nghĩ chị T đã xé giấy nên không hỏi lại. Đến nay do chị em mâu thuẫn về tiền hụi nên chị T mới đem giấy nợ cũ đi kiện tôi và chị Ng. Trước khi khởi kiện ra xã và Tòa án chị T có nói với chồng và mẹ chồng tôi nợ giữa tôi và chị T, giữa tôi, chị Ng và chị T đã trả xong.

Tại tòa chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh buộc tôi và chị Ng trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, tôi không đồng ý, lý do tôi và chị Ng đã trả tiền rồi không còn nợ gì chị T.

Chị Trần Thị Ng trình bày: (Bút lục số 31) Ngày 05/8/2017 chị và chị N có vay của chị T 40.000.000 đồng có làm giấy nợ viết tay chị và chị N cùng ký tên, hẹn 01 tháng trả, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/ ngày nhưng 10 ngày sau chị và chị N

mang tiền trả cho chị T số tiền gốc 40.000.000 đồng và 2.000.000 đồng lãi. Sau khi trả xong chị có yêu cầu chị T xé giấy nhưng chị T tìm không thấy và lúc đó con chị T quậy nên chị T nói với chị giấy nợ bị lạc mất cứ về đi khi nào tìm thấy giấy chị xé. Từ đó đến nay chị không thấy chị T nhắc gì đến tiền nợ nên chị nghĩ chị T đã xé giấy nên không hỏi lại. Chị vay chị T tiền để đáo hạn ngân hàng do chị T yêu cầu phải có người bảo lãnh nên yêu cầu chị N phải viết giấy và cùng ký tên vào giấy nợ. Chị không chấp nhận yêu cầu của chị T vì chị đã trả tiền cho chị T Xong.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T buộc chị N và chị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T 40.000.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, cản trừ số lãi vượt quá quy định vào số tiền gốc.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Ng vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Ng.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị N, chị Ng được ký kết bằng văn bản, số tiền vay là 40.000.000 đồng thời hạn trả là 01 tháng không ghi mức lãi suất. Theo đó, vào ngày 08/5/2017 AL (nhằm ngày 02/6/2017 DL) chị Ng, chị N vay của chị T 40.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng vay tiền là tự nguyện và hợp pháp, do có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N và chị Ng khai: 10 ngày sau khi vay thì chị N và chị Ng trả gốc và lãi cho chị T số tiền 42.000.000 đồng (gốc 40.000.000 đồng và lãi 2.000.000 đồng) nhưng không lấy lại giấy nợ do chị T nói thất lạc không tìm được, nhưng chị T không thừa nhận và chị N, chị Ng cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của chị T buộc chị N và chị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T.

Về lãi suất: Do hai bên không thống nhất lãi suất chị T xác định lãi suất 2%/tháng chị đã nhận số tiền 11.400.000 đồng. Do lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất mà pháp luật cho phép, có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất lại kể từ ngày vay đến ngày 02/9/2018, cụ thể:

Lãi từ ngày vay 08/5/2017 (nhằm ngày 02/6/2017 đến 02/9/2018 là 457 ngày $\times 11.111$ đồng $(0,833\%/tháng) = 5.077.778$ đồng

Lãi chị N, chị Ng đã đóng cho chị T 11.400.000 đồng – 5.077.000 đồng = 6.323.000 đồng

Như vậy tiền lãi chị N, chị Ng đã đóng cho chị T sau khi khấu trừ chị N, chị Ng còn dư là 6.323.000 đồng trừ vào tiền gốc là hợp lý. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử Chấp nhận một phần yêu cầu của chị T buộc chị N và chị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 33.677.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của chị T số tiền 6.323.000 đồng.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Lê Văn S (chồng chị N) và anh Lý C (chồng chị Ng) cùng chị N, chị Ng liên đới trả nợ cho chị T.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc chị N, chị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T 40.000.000 đồng nhưng lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá quy định của pháp luật nên tính lãi lại theo Điều 468 của Bộ luật dân sự và trừ vào số tiền vay gốc. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc chị Trần Thị Mỹ N và chị Trần Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 33.677.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của chị T số tiền 6.323.000 đồng.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Lê Văn S (chồng chị N) và anh Lý C (chồng chị Ng) cùng chị N, chị Ng liên đới trả nợ cho chị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí: chị N và chị Ng phải chịu 1.683.850 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, cụ thể từng phần chị N và chị Ng mỗi người phải chịu 841.925 đồng

Chị T phải chịu 316.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai số 0006181 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 683.850 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phan Thị Hương